

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **252/2020/HSST**

Ngày: 17/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH TH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tuấn Hưởng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 240/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn M, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 18/9/2001 tại TH; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 11, phường P, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông Phạm Tiến M1, sinh năm 1967 và con bà Dương Thị M2, sinh năm 1974; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (trước đó không bị tạm giữ, tạm giam). *(có mặt tại phiên tòa)*.

*** Bị hại:**

1. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1967 – trú tại tổ Z, phường T, thành phố TH
2. Anh Bùi Danh H1, sinh năm 1999 – trú tại tổ Y, phường Q, thành phố TH
3. Chị Dương Thị Phương T1, sinh năm 2001 – trú tại tổ dân phố Tiến Bộ, phường L, thành phố S, tỉnh TH
4. Anh Lê Văn H2, sinh năm 2001 – trú tại tổ N, phường C, thành phố TH

(Các bị hại đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 09/02/2020, Phạm Văn M cùng Nguyễn Ngọc Quỳnh T2, sinh năm 2001 – trú tại tổ B, phường G, thành phố TH; Lê Văn H2, sinh năm 2001 – trú tại tổ N, phường C, thành phố TH; Bùi Danh H, sinh năm 1999 – trú tại tổ 10, phường Q, thành phố TH và Dương Thị Phương T1, sinh năm 2001 trú tại tổ dân phố Tiên Bộ, phường L, thành phố S, tỉnh TH đến nhà bạn là Đặng Phương L, sinh năm 2001 - trú tại tổ Z, phường T, thành phố TH để ăn liên hoan. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, L cùng mọi người ăn xong và ra sân rửa bát, trong nhà chỉ còn lại M ngồi nghỉ. M thấy trong nhà không có ai nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền. Sau khi quan sát không có ai vào nhà, M thấy trên bàn uống nước có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime (của ông Đặng Văn T, sinh năm 1967 – trú tại tổ Z, phường T, thành phố TH, là bố của L) M dùng tay phải lấy chiếc điện thoại trên cho vào túi quần đang mặc. M tiếp tục đi vào trong phòng ngủ của L và nhìn thấy trên bàn học cạnh cửa có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu đen (của anh Bùi Danh H), M nhanh chóng lấy chiếc điện thoại trên cất giấu vào túi quần rồi đi đến cạnh giường ngủ lục lọi quần áo. M phát hiện bên trong túi áo khoác đen ở trên giường có 02 chiếc điện thoại di động 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A7 màu xanh (của chị Dương Thị Phương T1) và 01 điện thoại OPPO A9 màu xám (của anh Lê Văn H2), M liền dùng tay phải cất giấu vào túi quần bên phải rồi đi ra ngoài. M mang 04 chiếc điện thoại vừa trộm cắp được mang ra khỏi cổng nhà L giấu ở bụi cỏ ven đường cách cổng nhà L khoảng 2m. Sau đó, M đi vào trong nhà ngủ đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì được biết L cùng mọi người đã trình báo Cơ quan Công an. M được Công an phường T mời lên trụ sở đến khoảng 22 giờ thì ra về. Sau đó M đã hối hận về hành vi của mình nên quay lại bụi cỏ cất giấu điện thoại và mang 4 chiếc điện thoại trên đến nhà L, nhờ L trả cho mọi người.

Ngày 10/02/2020, Ly đã giao nộp 04 chiếc điện thoại trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố TH để giải quyết.

Tại Kết luận số 11/HĐĐGTS ngày 11/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố TH kết luận:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy J2 Prime, màu bạc, có số IMEI: 352405095831389, đã qua sử dụng, trị giá 400.000 đồng.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, 32G, màu bạc, có số IMEI: 353324071527508, đã qua sử dụng, trị giá 3.379.000 đồng.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu xám, dung lượng 64GB, RAM 4GB, có IMEI 1: 864267041820192, IMEI 2: 864267041820184, đã qua sử dụng, trị giá 3.696.000 đồng.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9, màu xanh, dung lượng 128GB, RAM 8GB, có IMEI 1: 866967042363179, IMEI 2: 866967042636161, đã qua sử dụng, trị giá 5.350.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản là 12.825.000 đồng

Số tài sản trên đã được thu hồi và trả cho ông Đặng Văn T, anh Bùi Danh H1, chị Dương Thị Phương T1, anh Lê Văn H2 là chủ sở hữu. Ông T, anh H1, chị T1, anh H2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Cáo trạng số 248/CT-VKSTPTN ngày 14/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố bị cáo Phạm Văn M về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn M từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt vấn đề xem xét.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” là không oan, đúng người, đúng tội.

Phần lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an, cơ quan Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên thành phố TH trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, đơn trình báo, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 09/02/2020, tại nhà chị Đặng Phương L thuộc tổ Z, phường T, thành phố TH, Phạm Văn M có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J2 Prime trị giá 400.000 đồng của ông Đặng Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus trị giá 3.379.000 đồng của anh Bùi Danh H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7 trị giá 3.696.000 đồng của chị Dương Thị Phương T1 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9 trị giá 5.350.000 đồng của anh Lê Văn H2. Tổng giá trị tài sản trên là 12.825.000 đồng. Hiện tài sản đã được thu hồi, trả lại cho cho ông Đặng Văn T, anh Bùi Danh H, chị Dương Thị Phương T1, anh Lê Văn H2 là chủ sở hữu quản lý sử dụng, các bị hại không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố Phạm Văn M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Xét về nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện khắc phục hậu quả, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng đủ cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước ta, động viên bị cáo tích cực cải tạo tu dưỡng tốt trở thành công dân có ích với gia đình và xã hội. Mức án mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt tù, lẽ ra bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 BLHS. Tại phiên tòa xác định bị cáo đang là sinh viên, không có thu nhập, hiện vẫn sống phụ thuộc vào gia đình, không có tài sản riêng. Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, người bị hại không có yêu cầu đề nghị gì khác. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm. Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 326 bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên bố: bị cáo Phạm Văn M phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn M 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố TH giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADS thành phố TH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Người tham gia tố tụng;
- THA hình sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc